



# BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 07/2017

## KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

Trong số này

Tiếp tục giới thiệu các luật, bộ luật có hiệu lực từ năm 2017, Bản tin pháp luật SAMCO kỳ 43 giới thiệu đến Quý độc giả những nội dung cơ bản của Bộ luật Hàng hải năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/7/2017 và những thông tin pháp luật cập nhật khác.

### **NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT HÀNG HẢI**

Bộ luật Hàng hải được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10 (gọi tắt là Bộ luật), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017.

Bộ luật gồm 20 chương, 341 điều:

- **Chương I. Những quy định chung** (gồm 12 điều, từ Điều 1 đến Điều 12) quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng pháp luật khi có xung đột pháp luật; giải thích một số từ ngữ sử dụng trong Luật; quyền thỏa thuận trong hợp đồng; nguyên tắc hoạt động hàng hải; chính sách của Nhà nước về phát triển hàng hải; quyền vận tải biển nội địa; nội dung quản lý nhà nước về hàng hải; trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải; thanh tra hàng hải; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động hàng hải;

- **Chương II. Tàu biển** (gồm 08 mục, 37 điều, từ Điều 13 đến Điều 49):

+ Mục 1. Quy định chung (gồm 04 điều: từ Điều 13 đến Điều 16) quy định về tàu biển; tàu biển Việt Nam; chủ tàu và treo cờ đối với tàu thuyền;

+ Mục 2. Đăng ký tàu biển (gồm 11 điều: từ Điều 17 đến Điều 27) quy định về đăng ký tàu biển Việt Nam và hình thức đăng ký tàu biển; nguyên tắc đăng ký tàu biển; các loại tàu biển phải đăng ký; điều kiện đăng ký tàu biển Việt Nam; đặt tên tàu biển Việt Nam; trách nhiệm của chủ tàu về đăng ký tàu biển tại Việt Nam; đăng ký tàu biển đang đóng; nội dung cơ bản của Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam; xóa đăng ký tàu biển Việt Nam; quy định chi tiết về đăng ký, xóa đăng ký tàu biển Việt Nam; đăng ký tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động;

### **KIỆN THỨC PHÁP LUẬT**

↳ Một số nội dung cơ bản của Bộ luật Hàng hải

### **CẬP NHẬT VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

1. Tăng lương cơ sở từ ngày 01/7/2017
2. Từ ngày 01/7/2017, khám bệnh dưới 195.000 đồng không phải cùng chi trả
3. Quy định mới về quản trị công ty đại chúng
4. Áp dụng quy định mới về thù lao dịch vụ đầu giá tài sản
5. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và Asean
6. Nâng cấp phần mềm hỗ trợ khai thuế (HTKK 3.4.4)
7. Phê duyệt kết quả pháp điển hệ thống QPPL với chủ đề đất đai
8. 02 quy chuẩn quốc gia về phương tiện thủy nội địa

### **ĐÓ VUI PHÁP LUẬT**

+ Mục 3. Đăng kiểm tàu biển Việt Nam (gồm 06 điều: từ Điều 28 đến Điều 33) quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; nguyên tắc đăng kiểm tàu biển Việt Nam; các loại tàu biển phải đăng kiểm; trách nhiệm về đăng kiểm tàu biển; giám sát kỹ thuật đối với tàu biển Việt Nam; đăng kiểm tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động;

+ Mục 4. Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển (gồm 02 điều: Điều 34 và Điều 35) quy định về giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển và giấy chứng nhận dung tích tàu biển;

+ Mục 5. Chuyển quyền sở hữu và thế chấp tàu biển (gồm 04 điều: từ Điều 36 đến Điều 39) quy định về chuyển quyền sở hữu tàu biển; thế chấp tàu biển Việt Nam; nguyên tắc thế chấp tàu biển Việt Nam và đăng ký thế chấp tàu biển Việt Nam;

+ Mục 6. Quyền cầm giữ hàng hải (gồm 04 điều: từ Điều 40 đến Điều 43) quy định về quyền cầm giữ hàng hải; khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải; thứ tự ưu tiên giải quyết các khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải; thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải;

+ Mục 7. Đóng mới và sửa chữa tàu biển (gồm 02 điều, Điều 44 và Điều 45) quy định về quy hoạch phát triển ngành công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển và cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển;

+ Mục 8. Phá dỡ tàu biển (gồm 04 điều, từ Điều 46 đến Điều 49) quy định về quy hoạch cơ sở phá dỡ tàu biển; nguyên tắc phá dỡ tàu biển; cơ sở phá dỡ tàu biển; quy định chi tiết về phá dỡ tàu biển.

**- Chương III. Thuyền bộ và thuyền viên** (gồm 02 mục, 23 điều, từ Điều 50 đến Điều 72):

+ Mục 1. Thuyền bộ (gồm 09 điều, từ Điều 50 đến Điều 58) quy định về thuyền bộ; trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền bộ; địa vị pháp lý của thuyền trưởng; nghĩa vụ của thuyền trưởng; quyền của thuyền trưởng; trách nhiệm của thuyền trưởng về hộ tịch trên tàu biển; trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc bắt, giữ người trên tàu biển; trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc thông báo cho cơ quan đại diện của Việt Nam; trách nhiệm báo cáo của thuyền trưởng khi xảy ra tai nạn hàng hải;

+ Mục 2. Thuyền viên (gồm 14 điều, từ Điều 59 đến Điều 72) quy định về thuyền viên làm việc trên tàu biển; nghĩa vụ của thuyền viên; chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên; hợp đồng lao động của thuyền viên; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của thuyền viên; nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, tết của thuyền viên; tiền lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác của thuyền viên; hồi hương thuyền viên; thực phẩm và nước uống; chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên; trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động hàng hải, bệnh nghề nghiệp; khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp; phòng ngừa tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp; đào tạo, huấn luyện thuyền viên;

**- Chương IV. Cảng biển** (gồm 04 mục, 32 điều, từ Điều 73 đến Điều 104):

+ **Mục 1. Quy định chung (gồm 13 điều, từ Điều 73 đến Điều 85)** quy định về cảng biển;

tiêu chí xác định cảng biển; phân loại cảng biển và công bố Danh mục cảng biển; chức năng cơ bản của cảng biển; nguyên tắc đặt tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước; thẩm quyền đặt tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước; công bố mở, đóng cảng biển và vùng nước cảng biển; tạm thời không cho phép tàu thuyền đến, rời cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước; quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển; trách nhiệm lập và quản lý quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển; đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng biển, luồng hàng hải; hải đồ vùng nước cảng biển và luồng, tuyến hàng hải; quy định chi tiết về cảng biển;

+ Mục 2. Quản lý cảng biển (gồm 08 điều, từ Điều 86 đến Điều 93) quy định về quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước; ban quản lý và khai thác cảng; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý và khai thác cảng; cơ cấu tổ chức Ban quản lý và khai thác cảng, khu vực áp dụng mô hình Ban quản lý và khai thác cảng; phí, lệ phí hàng hải và giá dịch vụ tại cảng biển; cảng vụ hàng hải; nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Cảng vụ hàng hải; phối hợp hoạt động quản lý nhà nước tại cảng biển;

+ Mục 3. Thủ tục tàu thuyền đến và rời cảng biển (gồm 06 điều, từ Điều 94 đến Điều 99) quy định về yêu cầu đối với tàu thuyền đến cảng biển; nguyên tắc đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; thời hạn làm thủ tục tàu thuyền đến, rời cảng biển; quy định miễn, giảm thủ tục đến, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt; nguyên tắc tàu thuyền rời cảng biển; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho tàu thuyền đến, rời cảng biển;

+ Mục 4. Cảng cạn (gồm 05 điều, từ Điều 100 đến Điều 104) quy định về chức năng của cảng cạn; tiêu chí xác định cảng cạn; quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn; đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn; thẩm quyền công bố mở, tạm dừng, đóng cảng cạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại cảng cạn.

**- Chương V. An toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường** (gồm 24 điều, từ Điều 105 đến Điều 128) quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường; an ninh tàu biển và an ninh cảng biển; truyền phát thông tin an ninh hàng hải; bảo đảm an toàn hàng hải; tuyến hàng hải trong

lãnh hải Việt Nam; thiết lập, công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam; nội dung, hình thức công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam; thanh tra, kiểm tra về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường đối với tàu biển; tạm giữ tàu biển; thẩm quyền tạm giữ và thời hạn tạm giữ tàu biển; thủ tục tạm giữ tàu biển; khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định tạm giữ tàu biển; kháng nghị hàng hải; giá trị pháp lý của kháng nghị hàng hải; thời hạn trình kháng nghị hàng hải; trình kháng nghị hàng hải bổ sung; tìm kiếm và cứu nạn hàng hải; tai nạn hàng hải; bảo vệ công trình hàng hải; nguyên tắc bảo vệ công trình hàng hải; phạm vi bảo vệ công trình hàng hải; giải quyết sự cố trong bảo vệ công trình hàng hải; bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng hải.

**- Chương VI. Bắt giữ tàu biển** (gồm 02 mục, 16 điều, từ Điều 129 đến Điều 144):

+ Mục 1. Quy định chung (gồm 10 điều, từ Điều 129 đến Điều 138) quy định về bắt giữ tàu biển; thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển; trách nhiệm do yêu cầu bắt giữ tàu biển không đúng; biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu bắt giữ tàu biển; lệ phí bắt giữ tàu biển; tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển hoặc văn bản yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ; thông báo việc thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển, quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ; nghĩa vụ của chủ tài sản trong thời gian tàu biển bị bắt giữ; thả tàu biển sau khi bị bắt giữ; áp dụng pháp luật trong việc bắt giữ tàu biển;

+ Mục 2. Bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải (gồm 06 điều, từ Điều 139 đến Điều 144) quy định về khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền bắt giữ tàu biển; điều kiện bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải; thời hạn bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải; căn cứ thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải; yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải; bắt giữ lại tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải.

**- Chương VII. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển** (gồm 04 mục, 55 điều, từ Điều 145 đến Điều 199):

+ Mục 1. Quy định chung (gồm 25 điều, từ Điều 145 đến Điều 169) quy định về hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; các loại hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển;

các bên liên quan đến hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; chứng từ vận chuyển; giá và phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển; nghĩa vụ của người vận chuyển; miễn trách nhiệm của người vận chuyển; giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển; mất quyền giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển; nghĩa vụ của người giao hàng; vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; miễn trách nhiệm của người giao hàng; thanh toán giá dịch vụ vận chuyển; giá dịch vụ vận chuyển trong trường hợp hàng hóa bị thiệt hại; ký phát vận đơn; nội dung của vận đơn; ghi chú trong vận đơn; chuyển nhượng vận đơn; thay vận đơn bằng chứng từ vận chuyển khác; áp dụng đối với vận đơn suốt đường biển; quyền định đoạt hàng hóa của người giao hàng; nghĩa vụ trả hàng; xử lý hàng hóa bị lưu giữ; tiền bán đấu giá hàng hóa; thời hiệu khởi kiện về hư hỏng, mất mát hàng hóa;

+ Mục 2. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo chứng từ vận chuyển (gồm 05 điều, từ Điều 170 đến Điều 174) quy định về thời điểm phát sinh và chấm dứt trách nhiệm của người vận chuyển; nghĩa vụ của người vận chuyển hàng hóa theo chứng từ vận chuyển; hàng hóa chở trên boong; trách nhiệm của người vận chuyển, người vận chuyển thực tế và người làm công, đại lý; giám định và thông báo về mất mát, hư hỏng hàng hóa hoặc chậm trả hàng;

+ Mục 3. Hợp đồng vận chuyển (gồm 21 điều, từ Điều 175 đến Điều 195) quy định về sử dụng tàu biển trong hợp đồng vận chuyển theo chuyên; chuyển giao quyền trong hợp đồng vận chuyển theo chuyên; ký phát vận đơn trong hợp đồng vận chuyển theo chuyên; cảng nhận hàng và nơi bốc hàng; thời hạn bốc hàng; thời hạn dôi nhật; thông báo sẵn sàng; thay thế hàng hóa; bốc hàng và xếp hàng trên tàu biển; tàu rời cảng nhận hàng; tuyến đường và thời gian vận chuyển; cảng thay thế; dỡ hàng và trả hàng; giá dịch vụ vận chuyển; thanh toán giá dịch vụ vận chuyển, lưu kho và xử lý tiền bán đấu giá hàng hóa; quyền chấm dứt hợp đồng của người thuê vận chuyển; quyền chấm dứt hợp đồng của người vận chuyển; chấm dứt hợp đồng không phải bồi thường; hợp đồng đương nhiên chấm dứt; bảo quản hàng hóa khi chấm dứt hợp đồng; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng vận chuyển theo chuyên;

+ Mục 4. Hợp đồng vận tải đa phương thức (gồm 04 điều, từ Điều 196 đến Điều 199) quy định về hợp đồng vận tải đa phương thức; trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức; giới hạn trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức; quy định chi tiết về vận tải đa phương thức.

**- Chương VIII. Hợp đồng vận chuyển hành khách và hành lý bằng đường biển** (gồm 15 điều, từ Điều 200 đến Điều 214) quy định về vận chuyển hành khách và hành lý; chứng từ vận chuyển hành khách và hành lý; quyền và nghĩa vụ của hành khách; nghĩa vụ và quyền của người vận chuyển; trách nhiệm của người vận chuyển và người vận chuyển thực tế trong vận chuyển hành khách; miễn trách nhiệm của người vận chuyển khi hành khách bị bắt giữ; xử lý đối với hành khách lậu vé; trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển; quá trình vận chuyển hành khách và hành lý; giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển hành khách và hành lý; mất quyền giới hạn trách nhiệm; mất mát, hư hỏng đồ vật quý, tài sản có giá trị khác; lưu giữ hành lý; thông báo mất mát, hư hỏng hành lý; thời hiệu khởi kiện về vận chuyển hành khách và hành lý.

**- Chương IX. Hợp đồng thuê tàu** (gồm 03 mục, 20 điều, từ Điều 215 đến Điều 234):

+ Mục 1. Quy định chung (gồm 05 điều, từ Điều 215 đến Điều 219) quy định về hợp đồng thuê tàu; hình thức hợp đồng thuê tàu; cho thuê lại tàu; nguyên tắc áp dụng quy định pháp luật trong hợp đồng thuê tàu; thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng thuê tàu;

+ Mục 2. Thuê tàu định hạn (gồm 09 điều, từ Điều 220 đến Điều 228) quy định về hợp đồng thuê tàu định hạn; nghĩa vụ của chủ tàu trong thuê tàu định hạn; quyền của người thuê tàu định hạn; nghĩa vụ của người thuê tàu định hạn; quan hệ giữa chủ tàu, người thuê tàu và thuyền bộ của tàu trong thuê tàu định hạn; chia tiền công cứu hộ trong thuê tàu định hạn; quá thời hạn thuê tàu định hạn; thanh toán tiền thuê tàu định hạn; chấm dứt hợp đồng thuê tàu định hạn;

+ Mục 3. Thuê tàu trần (gồm 06 điều, từ Điều 229 đến Điều 234) quy định về hợp đồng thuê tàu trần; nghĩa vụ của chủ tàu trong thuê tàu trần; nghĩa vụ của người thuê tàu trần; nghĩa vụ trả tàu, quá thời hạn thuê tàu và chấm dứt hợp đồng thuê tàu trần; thanh toán tiền thuê tàu trần; thuê mua tàu.

**- Chương X. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải** (gồm 02 mục, 12 điều, từ Điều 235 đến Điều 246):

+ Mục 1. Đại lý tàu biển (gồm 09 điều, từ Điều 235 đến Điều 243) quy định về đại lý tàu biển; người đại lý tàu biển; hợp đồng đại lý tàu biển; trách nhiệm của người đại lý tàu biển; trách nhiệm của người ủy thác; giá dịch vụ đại lý tàu biển;

thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng đại lý tàu biển; điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý tàu biển đối với tàu công vụ, tàu cá, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ và tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam;

+ Mục 2. Môi giới hàng hải (gồm 03 điều, từ Điều 244 đến Điều 246) quy định về môi giới hàng hải và người môi giới hàng hải; quyền và nghĩa vụ của người môi giới hàng hải; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng môi giới hàng hải.

**- Chương XI. Hoa tiêu hàng hải** (gồm 09 điều, từ Điều 247 đến Điều 255) quy định về chế độ hoa tiêu hàng hải tại Việt Nam; tổ chức hoa tiêu hàng hải; địa vị pháp lý của hoa tiêu hàng hải; điều kiện hành nghề của hoa tiêu hàng hải; quyền và nghĩa vụ của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu; nghĩa vụ của thuyền trưởng và chủ tàu khi sử dụng hoa tiêu hàng hải; trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi xảy ra tổn thất do lỗi dẫn tàu; quy định chi tiết về hoa tiêu hàng hải; hoa tiêu đối với tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ và tàu quân sự nước ngoài.

**- Chương XII. Lai dắt tàu biển** (gồm 08 điều, từ Điều 256 đến Điều 263) quy định về lai dắt tàu biển; điều kiện kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển; hợp đồng lai dắt tàu biển; quyền chỉ huy lai dắt tàu biển; nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng lai dắt tàu biển; trách nhiệm bồi thường tổn thất trong lai dắt tàu biển; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng lai dắt tàu biển; lai dắt tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi và thủy phi cơ.

**- Chương XIII. Cứu hộ hàng hải** (gồm 12 điều, từ Điều 264 đến Điều 275) quy định về cứu hộ hàng hải; nghĩa vụ của người cứu hộ, chủ tàu và thuyền trưởng; quyền hưởng tiền công cứu hộ; nguyên tắc xác định tiền công cứu hộ; tiền công đặc biệt trong cứu hộ hàng hải; nguyên tắc xác định giá trị của tàu biển hoặc tài sản cứu được; tiền thưởng cứu người trong tiền công cứu hộ; tiền thưởng công cứu hộ trong các trường hợp khác; phân chia tiền công cứu hộ hàng hải; quyền giữ tàu biển hoặc tài sản cứu được; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng cứu hộ hàng hải; cứu hộ hàng hải đối với tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.

**- Chương XIV. Trục vớt tài sản chìm đắm** (gồm 09 điều, từ Điều 276 đến Điều 284) quy định về tài sản chìm đắm; nghĩa vụ của chủ sở hữu tài sản chìm đắm;

thời hạn thông báo và trục vớt tài sản chìm đắm; trục vớt tài sản chìm đắm nguy hiểm; quyền ưu tiên trục vớt tài sản chìm đắm; mất quyền sở hữu đối với tài sản chìm đắm; xử lý tài sản chìm đắm ngẫu nhiên trục vớt được; xử lý tài sản trôi nổi trên biển, dạt vào bờ biển; thẩm quyền xử lý tài sản chìm đắm.

- **Chương XV. Tai nạn đắm va** (gồm 07 điều, từ Điều 285 đến Điều 291) quy định về tai nạn đắm va; nghĩa vụ của thuyền trưởng khi xảy ra tai nạn đắm va; nguyên tắc xác định lỗi và bồi thường tổn thất trong tai nạn đắm va; đắm va do bất khả kháng, ngẫu nhiên, không xác định được lỗi; đắm va không trực tiếp; thời hiệu khởi kiện về tai nạn đắm va; tai nạn đắm va đối với tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.

- **Chương XVI. Tổn thất chung** (gồm 06 điều, từ Điều 292 đến Điều 297) quy định về tổn thất chung; phân bổ tổn thất chung; phân bổ tổn thất chung cho hàng hóa bốc lậu lên tàu; tổn thất riêng; tuyên bố tổn thất chung và chỉ định người phân bổ tổn thất chung; thời hiệu khởi kiện về tổn thất chung.

- **Chương XVII. Giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các khiếu nại hàng hải** (gồm 05 điều, từ Điều 298 đến Điều 302) quy định về người được quyền giới hạn trách nhiệm dân sự; các khiếu nại hàng hải áp dụng giới hạn trách nhiệm dân sự; các khiếu nại hàng hải không áp dụng giới hạn trách nhiệm dân sự; mức giới hạn trách nhiệm dân sự; quỹ bảo đảm bồi thường.

- **Chương XVIII. Hợp đồng bảo hiểm hàng hải** (gồm 08 mục, 34 điều, từ Điều 303 đến Điều 336):

+ Mục 1. Quy định chung (gồm 08 điều, từ Điều 303 đến Điều 310) quy định về hợp đồng bảo hiểm hàng hải; đối tượng bảo hiểm hàng hải; xác định quyền lợi có thể được bảo hiểm; tái bảo hiểm; đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm; nghĩa vụ của người được bảo hiểm; đương nhiên chấm dứt hiệu lực hợp đồng bảo hiểm hàng hải; quyền chấm dứt hợp đồng bảo hiểm;

+ Mục 2. Giá trị bảo hiểm và số tiền bảo hiểm (gồm 03 điều, từ Điều 311 đến Điều 313) quy định về giá trị bảo hiểm; số tiền bảo hiểm; bảo hiểm trùng.

+ Mục 3. Chuyển nhượng theo hợp đồng bảo hiểm hàng hải (gồm 02 điều, Điều 314 và Điều 315) quy định về chuyển nhượng đơn bảo hiểm hàng hải; cách thức chuyển nhượng đơn bảo hiểm hàng hải;

+ Mục 4. Bảo hiểm bao (gồm 03 điều, từ Điều 316 đến Điều 318) quy định về bảo hiểm bao; thực hiện hợp đồng bảo hiểm bao; chấm dứt hợp đồng bảo hiểm bao;

+ Mục 5. Thực hiện hợp đồng bảo hiểm hàng hải (gồm 07 điều, từ Điều 319 đến Điều 325) quy định về nộp phí bảo hiểm; thông báo rủi ro gia tăng; nghĩa vụ của người được bảo hiểm khi xảy ra tổn thất; trách nhiệm bồi hoàn của người bảo hiểm; trách nhiệm bồi thường tổn thất của người bảo hiểm; bồi thường tổn thất xảy ra kế tiếp nhau; miễn trách nhiệm đối với người bảo hiểm;

+ Mục 6. Chuyển quyền đòi bồi thường (gồm 03 điều, từ Điều 326 đến Điều 328) quy định về chuyển quyền đòi bồi thường; nghĩa vụ của người được bảo hiểm trong việc đòi người thứ ba; bảo lãnh đóng góp tổn thất chung;

+ Mục 7. Từ bỏ đối tượng bảo hiểm (gồm 06 điều, từ Điều 329 đến Điều 334) quy định về quyền từ bỏ đối tượng bảo hiểm; cách thức và thời hạn thực hiện quyền từ bỏ đối tượng bảo hiểm; nghĩa vụ của người được bảo hiểm khi tuyên bố từ bỏ đối tượng bảo hiểm; thời hạn chấp nhận hoặc từ chối việc từ bỏ đối tượng bảo hiểm của người bảo hiểm; bồi thường tổn thất toàn bộ; hoàn trả tiền bảo hiểm;

+ Mục 8. Giải quyết bồi thường (gồm 02 điều, Điều 335 và Điều 336) quy định về trách nhiệm giải quyết bồi thường; thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải.

- **Chương XIX. Giải quyết tranh chấp hàng hải** (gồm 03 điều, từ Điều 337 đến Điều 339) quy định về tranh chấp hàng hải; nguyên tắc giải quyết tranh chấp hàng hải; giải quyết tranh chấp hàng hải có ít nhất một bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- **Chương XX. Điều khoản thi hành** (gồm 02 điều, Điều 340 và Điều 341) quy định về hiệu lực thi hành và quy định chi tiết.

## **NHỮNG NỘI DUNG MỚI CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT HÀNG HẢI**

### **1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Bộ luật quy định về hoạt động hàng hải, bao gồm các quy định về tàu biển, thuyền viên, cảng biển, luồng hàng hải, cảng cạn, vận tải biển, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường, quản lý nhà nước về hàng hải và các hoạt động khác liên quan đến sử dụng tàu biển vào mục đích kinh tế, văn hóa, xã hội, thể thao, công vụ và nghiên cứu khoa học. So với quy định hiện hành, Bộ luật bổ sung cảng cạn, bảo vệ môi trường vào phạm vi điều chỉnh. Việc bổ sung trên là do cảng cạn là bộ phận thuộc kết cấu

hạ tầng giao thông vận tải, là đầu mối tổ chức vận tải gắn liền với hoạt động của cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cảng đường thủy nội địa quốc tế, cửa khẩu đường bộ quốc tế, đồng thời có chức năng là cửa khẩu đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu nhưng lại chưa được quy định trong Bộ luật trước đây.

Đặc biệt, hiện nay ở nước ta đã xuất hiện tàu ngầm, tàu lặn là một loại phương tiện nhưng hoạt động chủ yếu dưới đáy biển nên trong một số trường hợp, tàu lặn, tàu ngầm không phải là tàu biển nên không áp dụng được các quy định của tàu biển cho các đối tượng này; Kho chứa nổi và giàn di động có một số đặc điểm giống tàu biển (như tính nổi, tính ổn định, kết cấu thép...) và Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) đã có quy định riêng về an toàn đối với Kho chứa nổi và giàn di động, vì vậy càng cần thiết phải quy định cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Bộ luật hàng hải đã bổ sung “tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi” vào phạm vi áp dụng và chỉ áp dụng trong trường hợp có quy định cụ thể của Bộ luật.

### **2. Về chính sách phát triển hàng hải (Điều 7)**

Kế thừa quy định hiện hành, chính sách phát triển hàng hải đã được Bộ luật bổ sung, quy định đầy đủ, chi tiết hơn trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển, phát triển đội tàu biển, đội ngũ thuyền viên đáp ứng yêu cầu trong nước và quốc tế; tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực hàng hải nhằm định hướng và làm căn cứ cho Chính phủ ban hành các chính sách cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Việc bổ sung này là nhằm nội luật hoá những chủ trương đường lối của Đảng, Quốc hội và Chính phủ đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút mọi nguồn lực xã hội tạo bước đột phá thúc đẩy ngành hàng hải nước ta phát triển, đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế, tương xứng với tiềm năng của nước ta.

### **3. Về tàu biển (Chương II)**

Các quy định về tàu biển, khái niệm tàu biển, việc phân loại xác định giữa tàu biển với các loại thiết bị khác như ụ nổi, kho chứa nổi... đã được Bộ luật quy định rõ ràng, cụ thể hơn tránh được sự nhầm lẫn trong quá trình mua bán, đăng ký và sử dụng tàu biển. Việc đăng ký, đăng kiểm và thế chấp tàu biển cũng được quy định chi tiết, cụ thể tạo thuận lợi cho chủ tàu, doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Bộ luật còn sửa đổi, bổ sung khái niệm tàu biển, loại trừ các đối tượng tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi và các kết cấu nổi tương tự khác không phải là tàu biển (Điều 13). Do khái niệm tàu biển theo Bộ luật năm 2005 chưa đầy đủ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau đã gây ra thiệt hại lớn về kinh tế trong thời gian qua, gây thiệt hại cho nhà nước. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung khái niệm này để loại trừ một số đối tượng như ụ nổi hoặc các kết cấu nổi tương tự khác không phải là tàu biển, vì các đối tượng này có một số đặc điểm giống tàu biển nhưng không phải là tàu biển.

### **4. Về thuyền viên (Chương III)**

Quy định về thuyền viên và thuyền bộ đã được bổ sung, cập nhật theo đúng quy định của Công ước quốc tế về lao động hàng hải (MLC 2006) của Tổ chức Lao động Thế giới, bao gồm quy định về quyền, nghĩa vụ của thuyền viên, điều kiện lao động, tiêu chuẩn, chế độ của thuyền viên khi làm việc trên tàu, thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi của thuyền viên; trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên khi có tai nạn, sự cố; đặc biệt là trách nhiệm đối với việc bồi thường thuyền viên, bảo đảm khắc phục tối đa tình trạng chủ tàu bỏ mặc thuyền viên khi tàu hoạt động ở nước ngoài như đã từng xảy ra trước đây.

### **5. Về cảng biển (Chương IV)**

Bộ luật đã bổ sung nhiều quy định nhằm điều chỉnh toàn bộ các hoạt động quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý khai thác cảng biển, xử lý hàng hóa tồn đọng tại cảng biển. Bộ luật quy định về Ban quản lý và khai thác cảng, giao Chính phủ quy định chi tiết về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn khu vực áp dụng mô hình Ban quản lý và khai thác cảng nhằm xây dựng một tổ chức có chức năng điều phối chung trong việc phát triển từng khu vực cảng, nhóm cảng; quản lý chung cả vùng nước cảng biển và vùng đất sau cảng để tạo sự thống nhất trong việc đầu tư, phát triển, quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển, khu hậu cần sau cảng và khu công nghiệp phụ trợ để giải quyết những bất cập hiện nay tại khu vực cảng biển. Ngoài ra, Bộ luật cũng có các quy định bổ sung về cảng cạn và quản lý khai thác cảng cạn, đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **6. Về vận tải biển và dịch vụ hàng hải (Điều 8)**

Lĩnh vực vận tải biển và dịch vụ hàng hải được Bộ luật điều chỉnh theo hướng ưu tiên phát triển vận tải biển, bảo hộ quyền vận tải biển nội địa cho đội tàu biển Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế; khuyến khích phát triển logistics....

## **7. Về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường (Chương V)**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, Bộ luật đã bổ sung một chương mới quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường với các quy định chi tiết về an toàn, an ninh hàng hải; tìm kiếm cứu nạn trên biển; quy định về phạm vi bảo vệ và giải quyết sự cố trong bảo vệ công trình hàng hải; bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng hải, phá dỡ tàu biển....

## **8. Về vận chuyên hàng hóa bằng đường biển và bảo hiểm hàng hải (Chương VII và Chương XVIII)**

Bộ luật đã sửa đổi, thay thế một số thuật ngữ và quy định áp dụng theo thông lệ quốc tế và thống nhất trong áp dụng luật, tránh được sự trùng lặp giữa các khái niệm người nhận hàng, người gửi hàng và người giao hàng trong hợp đồng vận chuyên hàng hóa bằng đường biển; đồng thời sửa đổi quy định thời hiệu khởi kiện về hư hỏng, mất mát hàng hóa cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bộ luật cũng đã được sửa đổi và bổ sung các quy định về hợp đồng bảo hiểm hàng hải, đối tượng bảo hiểm hàng hải, xác định quyền lợi có thể được bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, miễn trách nhiệm đối với người bảo hiểm cho phù hợp với pháp luật về bảo hiểm và luật bảo hiểm quốc tế.

## **9. Về cải cách thủ tục hành chính**

Đây là một trong các mục tiêu trọng tâm trong quá trình sửa đổi Bộ luật. Các quy định về đăng ký, mua bán tàu biển được quy định rõ ràng, chi tiết; thời hạn tạm giữ tàu biển cũng được quy định cụ thể trong Bộ luật nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, hạn chế thấp nhất tổn thất và tránh trường hợp làm khó cho chủ tàu. Hộ chiếu thuyền viên cũng được loại bỏ để giảm thiểu số lượng giấy tờ của thuyền viên khi hoạt động trên tuyến quốc tế; đồng thời bãi bỏ thủ tục hành chính chấp thuận đặt tên tàu biển, đặt tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước khi đặt tên chỉ cần tuân theo nguyên tắc quy định tại Bộ luật.

Ngoài ra, Bộ luật cũng đã sửa đổi, bổ sung các quy định về lai dất tàu biển, hoa tiêu hàng hải, phá dỡ tàu biển, trục vớt tài sản chìm đắm, xử lý tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, ... theo hướng rõ ràng, cụ thể, chi tiết và phù hợp với điều ước, thông lệ quốc tế.

Những sửa đổi, bổ sung của Bộ luật hàng hải Việt Nam 2015 đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hàng hải Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong hoạt động hàng hải, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên ngành, thúc đẩy sự phát triển và hội nhập quốc tế của ngành hàng hải nói riêng và kinh tế xã hội trong thời kỳ mới.

*Nguồn: Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp*

# **CẬP NHẬT VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

Từ tháng 07 năm 2017, nhiều chính sách mới được ban hành và bắt đầu có hiệu lực thi hành. Trong đó, nổi bật là:

### **1. Tăng lương cơ sở từ ngày 01/7/2017**

Theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP mức lương cơ sở sẽ tăng từ 1.210.000 đồng/tháng lên thành 1.300.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2017.

Mức lương cơ sở này sẽ dùng làm căn cứ để tính:

- Mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này;

- Mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;

- Các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

### **2. Từ ngày 01/7/2017, khám bệnh dưới 195.000 đồng không phải cùng chi trả**

Đây là nội dung đáng chú ý tại văn bản số 2039/BHXH-CSYT ngày 29/5/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Theo đó, từ ngày 01/7/2017, sẽ áp dụng mức lương cơ sở mới (1.300.000 đồng/tháng) để thanh toán chế độ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, như sau:

- Người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám, chữa bệnh đúng quy định, có tổng chi phí một lần khám, chữa bệnh thấp hơn 195.000 đồng không phải thực hiện cùng chi trả.

Quy định hiện hành là 181.500 đồng (Khoản 1 Công văn số 2046/BHXH-CSYT ngày 06/6/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam).

- Thanh toán trực tiếp chi phí cùng chi trả vượt quá 7.800.000 đồng (hiện tại là 7.260.000 đồng theo văn bản số

5544/BYT-BH ngày 19/7/2016 của Bộ Y tế) đối với người tham gia bảo hiểm y tế 5 năm liên tục trở lên.

Cũng theo Công văn số 2039/BHXH-CSYT thì việc thực hiện thanh toán chế độ bảo hiểm y tế này áp dụng đối với người tham gia bảo hiểm y tế vào viện trước ngày 01/7/2017 nhưng xuất viện từ ngày 01/7/2017.

### **3. Quy định mới về quản trị công ty đại chúng**

Ngày 06/6/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, có hiệu lực từ ngày 01/8/2017.

Theo đó, về cơ cấu Hội đồng quản trị (HĐQT) ngoài đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty còn xét tới yếu tố về giới.

Đồng thời, tư cách thành viên của HĐQT có sự thay đổi so với quy định hiện hành như sau:

- Từ ngày 01/8/2020, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng (hiện tại vẫn cho phép nếu được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên);

- Từ ngày 01/8/2019, thành viên HĐQT của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

### **4. Áp dụng quy định mới về thù lao dịch vụ đầu giá tài sản (ĐGTS)**

Thông tư số 45/2017/TT-BTC quy định cụ thể mức tối đa thù lao dịch vụ ĐGTS (hiện hành là phí ĐGTS) trong ứng khung giá trị TS theo giá khởi điểm với TS tại Khoản 1 Điều 4 Luật ĐGTS 2016. Đơn cử như sau:

- Đối với giá trị TS theo giá khởi điểm/hợp đồng dưới 50 triệu đồng thì mức tối đa thù lao dịch vụ ĐGTS là 8% giá trị TS bán được;

- Đối với giá trị TS theo giá khởi điểm/hợp đồng từ 50 triệu đến 100 triệu đồng thì mức tối đa thù lao dịch vụ ĐGTS là 3,64 triệu đồng + 5% trên phần chênh lệch giá trị TS theo giá trúng ĐG với giá khởi điểm;

### **5. Đẩy mạnh thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và ASEAN**

Ngày 29/6/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 27/CT-TTg về đẩy mạnh tiến độ thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại (gọi tắt là Cơ chế một cửa).

Cụ thể, để đạt được mục tiêu đẩy mạnh tiến độ nêu trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác phải hoàn thành trong năm 2017 những công việc sau:

- Hoàn thiện khung pháp lý triển khai Cơ chế một cửa và hoạt động kiểm tra chuyên ngành với hàng hóa xuất, nhập khẩu theo hướng tạo thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục để thúc đẩy hoạt động thương mại;

- Cùng cố hoạt động Cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa;

- Trình Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện mục tiêu đề ra;

- Đề xuất Thủ tướng Chính phủ bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí;

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho công tác triển khai Cơ chế một cửa.

### **6. Nâng cấp phần mềm hỗ trợ kê khai thuế (HTKK 3.4.4)**

Tổng cục Thuế vừa có Thông báo nâng cấp ứng dụng hỗ trợ kê khai tờ khai mã vạch phiên bản 3.4.4 và ứng dụng Khai thuế qua mạng (iHTKK) phiên bản 3.4.5.

Việc nâng cấp này nhằm đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ Thông tư số 37/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trong đó, ứng dụng cập nhật kiểm tra ràng buộc các chỉ tiêu trên Thông báo phát hành hóa đơn đáp ứng yêu cầu “Thông báo phát hành hóa đơn và hóa đơn mẫu phải được gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất hai (02) ngày trước khi tổ chức kinh doanh bắt đầu sử dụng hóa đơn”.

Bắt đầu từ ngày 14/6/2017, khi lập Thông báo phát hành hóa đơn, người nộp thuế sẽ sử dụng các mẫu biểu kê khai tại ứng dụng HTKK 3.4.4, iHTKK 3.4.5 thay cho các phiên bản trước đây.

### **7. Phê duyệt kết quả pháp điển hệ thống QPPL với chủ đề đất đai**

Ngày 13/6/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP phê duyệt kết quả pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật đối với chủ đề đất đai và 35 đề mục thuộc 15 chủ đề, như là:

- Bổ trợ tư pháp (Công chứng, luật sư, tư vấn pháp luật); Doanh nghiệp, hợp tác xã (Doanh nghiệp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp); Thương mại, đầu tư, chứng khoán (Cạnh tranh, đầu tư);

- Tố tụng và các phương thức giải quyết tranh chấp (Hòa giải cơ sở, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà nước); Nông nghiệp, nông thôn (Đê điều); Hành chính tư pháp (nuôi con nuôi);

- Xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật (Hợp nhất văn bản QPPL; kiểm soát TTHC; pháp điển hệ thống QPPL; phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính).

Kết quả pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật đối với chủ đề đất đai và 35 đề mục thuộc 15 chủ đề đã được đăng tải tại địa chỉ [www.phapdien.moj.gov.vn](http://www.phapdien.moj.gov.vn).

### **8. 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện thủy nội địa**

Ngày 24/11/2016, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 36/2016/TT-BGTVT, có hiệu lực từ ngày 28/6/2017, công bố nội dung 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện thủy nội địa, đó là:



- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 25:2015/BGTVT về quy phạm giám sát kỹ thuật và đóng phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa, mã số đăng ký: Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT.

## ĐỒ VUI PHÁP LUẬT

## ĐÁP ÁN MỤC ĐỒ VUI PHÁP LUẬT KỶ TRƯỚC

### Kết quả:

Xin chúc mừng 02 độc giả đạt giải phần Đồ vui pháp luật kỳ trước là:

- Giải Nhất: Chị Nguyễn Thị Cẩm Hằng – Nhà máy Ô tô Thương mại SAMCO;
- Giải Nhì: Chị Phạm Thị Hoàng Phương – Văn phòng Tổng Công ty;

*Đề nghị Quý Độc giả đạt giải liên hệ trực tiếp Ban Pháp chế Tổng Công ty để nhận quà tặng.*

### Câu hỏi kỳ trước:

Anh/Chị hãy cho biết trách nhiệm của người sử dụng lao động về việc chăm sóc sức khỏe cho người lao động cao tuổi được quy định cụ thể tại điều khoản nào của Bộ luật Lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành?

### Đáp án:

Trách nhiệm của người sử dụng lao động về việc chăm sóc sức khỏe cho người lao động cao tuổi được quy định tại khoản 2 Điều 152 Bộ luật Lao động năm 2012 cụ thể như sau:

*“Điều 152. Chăm sóc sức khỏe cho người lao động:*

*2. Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề; lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản, người làm công việc nặng nhọc, độc hại, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi phải được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.”*

### CÂU HỎI KỶ NÀY:

Anh/Chị hãy cho biết trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người lao động khi người lao động gây ra thiệt hại về tài sản cho người sử dụng lao động? Trách nhiệm này được quy định cụ thể tại điều khoản nào của Bộ luật Lao động năm 2012?

Câu hỏi phụ: Theo Anh/Chị có bao nhiêu người trả lời đúng câu hỏi này?

Câu trả lời vui lòng gửi trực tiếp về **Ban Pháp chế Tổng Công ty** hoặc gửi email đến **Bantinphapluat@samco.com.vn** trước **17h00** ngày **10/8/2017**

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MTV (SAMCO)**

**BAN BIÊN TẬP BẢN TIN PHÁP LUẬT SAMCO**

[a]: Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

[o]: (+84) 839 200 408 - Ext: 133 - [h]: (+84) 905 066 519 (Anh Nguyễn) - [e]: [Bantinphapluat@samco.com.vn](mailto:Bantinphapluat@samco.com.vn) - [w]: [www.samco.com.vn](http://www.samco.com.vn)